

Cơ cấu xã hội - giai cấp ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới

Lê Thị Hồng Nhiên¹

¹ Trường Chính trị Phạm Hùng, tỉnh Vĩnh Long.
Email: nhientctph@gmail.com

Nhận ngày 3 tháng 7 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 4 tháng 8 năm 2017.

Tóm tắt: Cùng với quá trình đổi mới đất nước, cơ cấu xã hội - giai cấp ở nước ta cũng biến đổi rất mạnh mẽ theo hướng chuyển từ cơ cấu “hai giai cấp, một tầng lớp” sang cơ cấu hai giai cấp và nhiều tầng lớp khác nhau. Các giai cấp và các tầng lớp cũng biến đổi mạnh mẽ. Đảng, Nhà nước, các tổ chức xã hội định hướng, phát huy những xu hướng tích cực, đồng thời hạn chế những xu hướng không mong muốn do sự biến đổi của cơ cấu xã hội giai cấp.

Từ khoá: Cơ cấu xã hội - giai cấp, đổi mới, sự biến đổi, Việt Nam.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: Together with the process of renovation, the structure of the society and classes in Vietnam has also changed dramatically from having two classes and one tier to having two classes and many tiers. Changing strongly are also the classes and tiers themselves. The Party, State and social organisations have oriented and developed the positive trends, and, at the same time, limited the unwanted ones caused by the changes of the structure.

Keywords: Structure of the society and classes, renovation, change, Vietnam.

Subject classification: Politics

1. Mở đầu

Việt Nam đã và đang chuyển từ giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội theo mô hình tập trung bao cấp sang mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; từ một xã hội khép sang một xã hội rộng mở (với phương châm sẵn sàng là bạn với tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới, trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi). Do sự chuyển

đổi đó nên xã hội Việt Nam cũng có sự biến đổi hết sức sâu sắc trên nhiều phương diện, trong đó có sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp. Sự biến đổi này, một mặt tác động tích cực đến công cuộc đổi mới đất nước, nhưng mặt khác cũng đặt ra nhiều vấn đề về kinh tế - xã hội cần phải được giải quyết. Bài viết này đề cập đến sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

2. Cơ cấu xã hội - giai cấp ở Việt Nam hiện nay

Ph.Ăngghen đã từng cho rằng: “Trong mọi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra, cả hai cái đó cấu thành cơ sở lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy” [1, tr.21]. Ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới vừa qua cũng có sự chuyển đổi về cơ cấu xã hội - giai cấp. Đó là sự chuyển đổi từ cơ cấu “hai giai một tầng” (giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức) ở giai đoạn bao cấp sang cơ cấu hai giai cấp, nhiều tầng lớp trong thời kỳ đổi mới (giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, tầng lớp nhà doanh nghiệp, tầng lớp tiểu thương, tầng lớp tiểu chủ).

Các giai tầng (trong đó phải kể đến những giai tầng mới) ngày càng năng động hơn, sáng tạo và chủ động hơn. Tuy nhiên, do giữa các tầng lớp và giai cấp vừa có sự tương đồng, vừa có những khác biệt nhất định về mặt lợi ích, cho nên mối quan hệ giữa các giai tầng trong xã hội Việt Nam hiện nay là mối quan hệ vừa hợp tác và vừa đấu tranh với nhau. Khẳng định điều này, Đảng ta chỉ rõ: “Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng” [2, tr.85].

3. Các xu hướng biến đổi của giai cấp công nhân

Một là, xu hướng tăng lên về số lượng cùng với sự phát triển của các ngành nghề công

nh nghiệp trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trước đổi mới, số lượng công nhân nước ta là 7 triệu người, đến năm 2007 là 9,5 triệu người, năm 2013 tăng lên gần 11 triệu và hiện nay khoảng 15 triệu người, chiếm 21% tổng số lao động và 11% dân số cả nước [4, tr.266]. Sự gia tăng về số lượng của giai cấp công nhân ở nước ta trong những năm qua chủ yếu là do sự phát triển các ngành công nghiệp của các thành phần kinh tế. Kinh tế ngoài nhà nước là khu vực có số lượng công nhân tăng lên nhanh chóng, còn ở khu vực kinh tế nhà nước, số lượng công nhân tăng không đáng kể.

Hai là, xu hướng đa dạng hoá sự phát triển của giai cấp công nhân trong các thành phần kinh tế. Giai cấp công nhân nước ta không những phát triển cả về số lượng và chất lượng, mà còn ngày càng phát triển đa dạng hơn. Cụ thể, hiện nay giai cấp công nhân Việt Nam đang có mặt trong tất cả các thành phần kinh tế; trong số khoảng 15 triệu công nhân có gần 2 triệu công nhân trong các doanh nghiệp nhà nước và 1,6 triệu công nhân trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, số còn lại là trong các doanh nghiệp tư nhân.

Công nhân hoạt động ở các thành phần kinh tế khác nhau sẽ khác nhau về tính chất lao động, trình độ sản xuất công nghiệp và về thu nhập. Trên thực tế, tình trạng phân hoá giàu nghèo, phân tầng xã hội trong nội bộ giai cấp công nhân ở nước ta cũng đã và đang diễn ra rất sâu sắc. Ở một mức độ nhất định, điều này sẽ dẫn đến sự khác biệt về ý thức làm chủ, trình độ và tác phong công nghiệp, tinh thần giác ngộ và đoàn kết giai cấp... Đây chính là những yếu tố làm tăng thêm quá trình phức tạp và đa dạng hoá trong giai cấp công nhân ở nước ta.

Ba là, xu hướng ngày càng nâng cao về trình độ, ý thức lao động và tác phong công

ng nghiệp của giai cấp công nhân. Nếu như trước đổi mới, chỉ có 57,5% công nhân có trình độ phổ thông cơ sở và đa số không qua đào tạo nghề thì đến năm 2008 đã có 80% công nhân có trình độ trung học cơ sở và trung học phổ thông; 37% lao động đã qua đào tạo, trong đó 25% là đào tạo nghề [5, tr.156]. Năm 2014, có 70,2% công nhân có trình độ trung học phổ thông, 26,8% có trình độ trung học cơ sở và 3,1% có trình độ tiểu học. Công nhân có trình độ trung cấp chiếm 17,9%, trình độ cao đẳng chiếm 6,6%, trình độ đại học chiếm 17,4% [9, tr.61-62].

Xu hướng nâng cao trình độ (từ trình độ học vấn đến chuyên môn và trình độ tay nghề của công nhân) là xu thế khách quan của quá trình phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và quá trình hội nhập quốc tế. Xu hướng đó là hệ quả tất yếu vì phát triển những ngành nghề sản xuất đòi hỏi người lao động phải có trình độ và tay nghề cao. Đây là động lực quan trọng thúc đẩy người lao động tự giác nâng cao trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn và tay nghề để có thể đáp ứng được yêu cầu mà các ngành nghề sản xuất đặt ra.

Bốn là, xu hướng ngày càng đa dạng về cơ cấu ngành nghề. Sự phát triển không ngừng của khoa học, công nghệ, sự phát triển của nền kinh tế tri thức và quá trình hợp tác quốc tế làm xuất hiện nhiều ngành nghề mới, trong đó phải kể đến các ngành kinh tế công nghiệp mũi nhọn (như: điện, dầu khí, điện tử, tin học, viễn thông, chế tạo vật liệu mới...). Sự xuất hiện của những ngành nghề này đặt ra yêu cầu cần phải có một lực lượng công nhân phù hợp.

Bên cạnh đó, nhiều ngành dịch vụ cũng phát triển (như: các ngành tài chính, ngân hàng, chuyển giao kỹ thuật, đầu ra cho các sản phẩm...). Đây là những ngành có nhu

cầu phát triển lớn; vì thế nên công nhân hoạt động ở khu vực các ngành này sẽ ngày càng tăng.

4. Các xu hướng biến đổi của giai cấp nông dân

Một là, xu hướng giảm về số lượng. Cùng với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, những năm qua giai cấp nông dân Việt Nam có xu hướng ngày càng giảm. Năm 2001, cả nước có 24,95 triệu lao động nông nghiệp, năm 2007 giảm 1,14 triệu lao động và còn 23,81 triệu [5, tr.1167]. Hiện nay, Việt Nam có 23 triệu người làm nông nghiệp [12]. Đây là xu hướng mới và tích cực về chuyển dịch lao động ở nước ta, phản ánh kết quả thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn của Đảng và Nhà nước.

Trong những năm gần đây, nền sản xuất nông nghiệp ở nước ta chuyển mạnh từ nền nông nghiệp tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hoá, và theo đó cơ cấu ngành nghề ở nông thôn cũng thay đổi theo chiều hướng tích cực và trở nên đa dạng hoá. Đó là giảm số lượng và tỷ trọng nhóm hộ nông - lâm - thủy sản; tăng số lượng và tỷ trọng nhóm hộ công nghiệp và dịch vụ. Theo kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011 của Tổng cục Thống kê, số hộ hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản là 9,53 triệu hộ (chiếm 62,2%), giảm 248 nghìn hộ so với năm 2006 (chiếm 71,1%); số hộ hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ là 5,13 triệu, tăng 1,67 triệu hộ so với năm 2006. Tính chung trong giai đoạn 2001 - 2011, số hộ nông, lâm, thủy sản cứ qua 5 năm lại giảm đi khoảng từ 9% đến 10%.

Mặc dù đã đạt được những kết quả rất tích cực, nhưng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ngành, nghề và cơ cấu lao động ở khu vực nông thôn vẫn còn chậm và còn cách xa so với yêu cầu quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Trong 10 năm, từ 2001 - 2011, tỷ trọng lao động hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản mới giảm được 20%, từ khoảng 80% năm 2001 xuống còn khoảng 60% vào năm 2011, bình quân mỗi năm chỉ giảm được 2%.

Trong cơ cấu ngành nghề ở nông thôn, một bộ phận chuyển sang làm nghề thủ công hoặc dịch vụ, cơ khí, chế biến nông sản, cung ứng vật tư nông nghiệp...; một bộ phận không nhỏ chuyển sang kinh doanh trang trại và kinh tế hợp tác với quy mô lớn. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2008 cả nước có 7.592 hợp tác xã, đến năm 2016 là 10.756 hợp tác xã [10]. Năm 2008 cả nước có 120.699 trang trại, hiện nay có gần 150.000 trang trại [6]. Kinh tế trang trại và kinh tế hợp tác phát triển đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, dẫn tới sự đa dạng hoá cơ cấu ngành nghề trong giai cấp nông dân ở nước ta.

Hai là, xu hướng ngày càng nâng cao về trình độ sản xuất và kinh doanh. Cùng với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; người nông dân từ chỗ thụ động, thờ ơ với việc học tập, tiếp thu trình độ kỹ thuật canh tác đã trở nên tích cực hơn, chủ động hơn trong quá trình sản xuất và kinh doanh. Họ biết ứng dụng kỹ thuật canh tác mới, học hỏi những kinh nghiệm sản xuất mới, nghiên cứu thị trường, giá cả nhằm nâng cao trình độ sản xuất kinh doanh, tăng hiệu quả trên đơn vị sản xuất.

Những ví dụ về mô hình trồng rau công nghệ cao trong nhà lưới ở thành phố Hồ Chí

Minh cho thấy hiệu quả rõ rệt khi doanh thu đạt từ 120 - 150 triệu đồng/ha, gấp 2 - 3 lần canh tác theo lối truyền thống. Các mô hình trồng hoa - cây cảnh ở Đà Lạt và chè ô long ở Lâm Đồng (dây chuyền sản xuất khép kín, cây giống, ươm, chăm sóc, thu hoạch trong nhà lưới; hệ thống tưới phun sương, tưới nhỏ giọt theo tiêu chuẩn Israel) đã cho năng suất và chất lượng sản phẩm hơn hẳn cách sản xuất truyền thống, sử dụng màng phủ. Tại Bà Rịa - Vũng Tàu, Vĩnh Phúc, Hà Nội nhiều mô hình sản xuất giống cây, chăn nuôi lợn, gà quy mô công nghiệp theo công nghệ Nhật Bản đã và đang mang lại những hiệu quả to lớn, giúp người sản xuất có thu nhập gấp 2, thậm chí gấp nhiều lần, so với sản xuất quảng canh hộ gia đình truyền thống. Thực tế này cho thấy, trình độ của người nông dân Việt Nam ngày càng nâng cao trong quá trình sản xuất.

Ba là, xu hướng tăng vai trò tự chủ của kinh tế hộ gia đình nông dân, tăng sự phân hoá giàu - nghèo ở nông thôn. Cùng với sự phát triển của cơ chế kinh tế thị trường, người nông dân được giải phóng khỏi sự áp đặt, ràng buộc của cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp. Họ được quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh, được quyền sử dụng ruộng đất lâu dài. Đây chính là động lực cơ bản nhất để kích thích và phát huy tính năng động, tinh thần sáng tạo của người nông dân, để họ có thể quan tâm và gắn bó lâu dài hơn với đồng ruộng cũng như sản xuất ngày càng đạt hiệu quả hơn. Kinh tế hộ đã đóng góp một phần quan trọng trong việc ổn định và phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn. Xu hướng này sẽ được tiếp tục khẳng định và ngày càng phát huy vai trò tốt hơn khi Đảng giải quyết đồng bộ vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn.

Song, cùng với xu hướng tăng lên về vai trò của kinh tế hộ thì sự phân hoá giàu - nghèo ở khu vực nông thôn cũng ngày càng diễn ra mạnh mẽ. Theo số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê năm 2008, chênh lệch giữa nhóm có thu nhập cao nhất và nhóm có thu nhập thấp nhất ở nông thôn là 6,5 lần [8, tr.117]; con số này tăng lên 7,5 lần vào năm 2010. Tương tự, chênh lệch về chi tiêu giữa nhóm có thu nhập cao nhất và nhóm thu nhập thấp nhất cũng tăng từ 3,1 lần năm 2002 lên 3,5 lần năm 2010 [11].

Quá trình phân hoá giàu - nghèo giữa các hộ nông dân ở nông thôn là một quá trình tự nhiên, diễn ra trong điều kiện phát triển sản xuất hàng hoá theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong cơ chế thị trường, một bộ phận nông dân giàu lên, trở thành các tiểu chủ, do họ có trình độ, vốn liếng, kỹ năng, kinh nghiệm sản xuất; một bộ phận khác nghèo đi, trở thành người làm thuê, hoặc tham gia vào đội ngũ công nhân công nghiệp. Tuy nhiên, vấn đề là ở chỗ, Nhà nước cần phải có những chính sách, giải pháp thật đồng bộ để góp phần nâng cao đời sống, sản xuất của người nông dân và nhất là giảm bớt sự phân hoá, chênh lệch nghèo - giàu ở khu vực nông thôn.

5. Các xu hướng biến đổi của tầng lớp trí thức

Một là, xu hướng đa dạng hoá cơ cấu tầng lớp trí thức. Trong công cuộc đổi mới đất nước, cơ cấu tầng lớp trí thức ở nước ta ngày càng trở nên đa dạng. Bên cạnh ngày càng có nhiều trí thức hoạt động ở các ngành khoa học mũi nhọn (như: công nghệ thông tin, công nghệ điện tử, công nghệ

gien, công nghệ vật liệu mới...) thì còn có một bộ phận không nhỏ trí thức tham gia trong lĩnh vực lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước. Mặt khác, tính đa dạng trong cơ cấu tầng lớp trí thức còn được thể hiện ở chỗ, số trí thức hoạt động ở các thành phần kinh tế ngoài khu vực nhà nước đã tăng lên. Ở nhiều doanh nghiệp, do quá trình hoạt động có hiệu quả, người lao động có thu nhập cao và do đó, sẽ thu hút được những trí thức giỏi.

Hai là, xu hướng ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Do quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá diễn ra trong điều kiện cách mạng khoa học công nghệ và xu thế toàn cầu hoá ở nước ta nên trong những năm qua tầng lớp trí thức ở Việt Nam cũng có sự phát triển đáng kể cả về lượng cũng như về chất. Năm 2008, nước ta có khoảng 2 triệu người có trình độ đại học, cao đẳng trở lên, trong đó có hơn 14.000 tiến sĩ và 20.000 thạc sĩ. Theo thống kê của Bộ Khoa học và Công nghệ, năm 2012 cả nước có 24.300 tiến sĩ và 101.000 thạc sĩ. Số lượng tiến sĩ mỗi năm tăng 7%, thạc sĩ là 14% [7]. Về số lượng giáo sư, phó giáo sư, theo số liệu của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, từ năm 1976 đến năm 2013, tổng số giáo sư, phó giáo sư được công nhận ở nước ta là 10.453 người; trong đó, giáo sư là 1569 và phó giáo sư là 8.884 người [12]. Riêng tính 3 năm từ năm 2014 đến năm 2016, đã xét và công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư cho 1.869 người [13].

Cùng với sự phát triển về lượng, chất lượng của tầng lớp trí thức ở Việt Nam cũng từng bước được nâng lên. Điều này được thể hiện rõ nhất ở công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao về trình độ và năng lực công tác của đội ngũ trí thức. Trong những

năm qua, vấn đề đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và năng lực công tác cho tầng lớp trí thức rất được Đảng và Nhà nước quan tâm. Cùng với chính sách mở rộng quan hệ và giao lưu quốc tế, tầng lớp trí thức ở Việt Nam không những được tham gia đào tạo, bồi dưỡng những chương trình giáo dục trong nước, mà còn có điều kiện tham gia nghiên cứu, học tập, tiếp thu những chương trình giáo dục ở nước ngoài; điều đó đã góp phần tích cực và đáng kể trong việc nâng cao chất lượng trí thức Việt Nam.

Ba là, xu hướng thiếu trong tầng lớp trí thức. Xu hướng thiếu cân đối trong tầng lớp trí thức ở nước ta cũng đang là một vấn đề rất đáng quan tâm. Sự thiếu cân đối này thể hiện trong các lĩnh vực khoa học. Chẳng hạn, trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn có đến 70,4% trí thức có trình độ cao đẳng, đại học trở lên; lĩnh vực kinh doanh, quản lý có khoảng 24,7%; lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật có khoảng 25,8% [5, tr.174]. Sự phát triển mạnh mẽ của sản xuất công nghiệp trong điều kiện cách mạng khoa học công nghệ đòi hỏi cần một số lượng lớn đội ngũ trí thức ở các ngành kỹ thuật. Tuy nhiên, số trí thức có trình độ chuyên môn về khối các ngành khoa học kỹ thuật là rất ít. Tình trạng hàng trăm nghìn cử nhân thất nghiệp hiện nay không chỉ đơn thuần phản ánh về bài toán “cung - cầu” lao động, bài học “thừa thầy thiếu thợ”, mà còn cho thấy sự mất cân đối trong tầng lớp trí thức.

Tình trạng mất cân đối trong tầng lớp trí thức còn thể hiện ở việc phân bổ chưa đồng đều giữa các khu vực. Nhìn chung, tuyệt đại đa số trí thức tập trung tại các đô thị lớn, nơi công nghiệp và các hoạt động dịch vụ sản xuất phát triển mạnh (như: Hà Nội,

thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương...) Khu vực nông thôn, nhất là miền núi, vùng sâu, vùng xa, đang rất khó khăn trong việc thu hút trí thức.

6. Quan hệ giữa các giai cấp và các tầng lớp

Sự tác động của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế và cùng với những thay đổi trong cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam thời kỳ đổi mới đã dẫn đến những biến đổi sâu sắc trong cơ cấu xã hội - giai cấp, cũng như trong bản thân mỗi giai cấp và tầng lớp. Mặt khác, do giữa các giai cấp và các tầng lớp vừa có sự tương đồng, vừa có sự khác biệt về lợi ích, nên quan hệ giữa các giai cấp và các tầng lớp trong xã hội Việt Nam hiện nay là mối quan hệ vừa hợp tác vừa đấu tranh với nhau. Các giai cấp, các tầng lớp hợp tác, liên minh với nhau khi xuất hiện những nhu cầu và lợi ích chung. Họ đấu tranh với nhau khi xảy ra mâu thuẫn về lợi ích. Đây chính là biểu hiện tất yếu của xu thế phát triển kinh tế thị trường. Do tác động của mặt trái của kinh tế thị trường và nhiều nguyên nhân khác, nên trong quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp có không ít những trường hợp cạnh tranh không lành mạnh. Giữa các giai tầng có lúc còn nảy sinh không ít những hiện tượng tiêu cực. Chính vì thế, trong xã hội vẫn còn đấu tranh giai cấp.

Ở nước ta hiện nay, Đảng và Nhà nước coi liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức vốn được xem là một vấn đề nổi bật và có tầm quan trọng trong quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp ở nước ta; là nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Về điều này, Văn kiện Đại hội Đảng XII

chỉ rõ: “Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo” [3, tr.68].

7. Kết luận

Sau 30 năm đổi mới, Việt Nam đã có những chuyển biến sâu sắc trên phương diện, cơ cấu xã hội - giai cấp. Sự biến đổi này, một mặt tác động tích cực đến công cuộc đổi mới đất nước, nhưng mặt khác cũng đặt ra nhiều vấn đề về kinh tế - xã hội cần phải được giải quyết. Đứng trước thực trạng đó, cần thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội, phát huy những xu hướng tích cực, đồng thời hạn chế những xu hướng không mong muốn nảy sinh do sự biến đổi cơ cấu xã hội giai cấp.

Tài liệu tham khảo

- [1] C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] *Giáo trình Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin & tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2017.
- [5] Tạ Ngọc Tấn (2013), *Xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] Trần Thị Minh Châu, Vũ Văn Phúc (2010), *Chính sách hỗ trợ của nhà nước ta đối với nông dân trong điều kiện hội nhập WTO*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Vũ Quang Thọ (2015), *Xây dựng lối sống văn hoá của công nhân Việt Nam - lý luận và thực tiễn*, Nxb Lao động Hà Nội.
- [8] <http://www.baomoi.com/ca-nuoc-co-10-756-hop-tac-xa-dat-doanh-thu-trung-binh-hon-1-ty-dong/c/21592217.epi>
- [9] <http://www.doanhnhansaigon.vn/chuyen-lam-an/de-thu-hep-khoang-cach-giau-ngheo/1061699/>
- [10] <http://www.hdchgsnn.gov.vn/news/detail/tabid/77/newsid/357/seo/bao-cao-cua-GS-tran-van-nhung-tai-van-mieu-quoc-tu-giam>.
- [11] <http://www.hdcdgsnn.gov.vn/index.php/ho-t-d-ng-net-duy-t/thong-bao/730-ba-a-ca-0-ka-t-qua-xa-t-ca-ng-nh-n-a-t-tia-u-chua-n-cha-c-danh-gs-pgs0n-m-2017>
- [12] <http://news.zing.vn/so-nguoi-lam-nong-nghiep-o-vn-cao-hon-11-nuoc-tp-cong-lai-post621758.html>
- [13] <http://www.vacvina.org.vn/xem-tin-tuc/phat-trien-kinh-te-trang-trai.html>
- [14] <http://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/164238/24-000-tien-si-viet-nam-dang-lam-gi.html>

<http://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/164238/24-000-tien-si-viet-nam-dang-mi>